

BỘ QUỐC PHÒNG-BỘ
LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI-BỘ TÀI
CHÍNH

Số: 69/2007/TTLT/BQP-
BLĐTBXH-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ
về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước
từ 30/04/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ

Thi hành Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu
trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/04/1975 trở về trước có 20
năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ (gọi tắt là Nghị định 159/2006/NĐ-CP), Bộ Quốc phòng - Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN

1. Đối tượng áp dụng

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập
ngũ từ ngày 30/04/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước
ngày 01/4/2000, thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã phục viên, xuất ngũ;
- b) Thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên đang điều trị tại các trung tâm điều dưỡng thương binh
hoặc từ trung tâm điều dưỡng thương binh đã về gia đình nhưng chưa được hưởng chế độ hưu trí.

Thời gian phục vụ trong quân đội bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ và
công nhân viên chức quốc phòng. Thời gian phục vụ quân đội nếu có đứt quãng thì được cộng dồn.

2. Đối tượng không áp dụng

- a) Những người vi phạm pháp luật đang thi hành án tù giam, xuất cảnh trái phép hoặc đang bị tòa án tuyên bố là
mất tích;
- b) Những người đào ngũ, đầu hàng phản bội, chiêu hồi trong kháng chiến chống Mỹ.

II. CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Thời gian công tác để tính lương hưu

a) Thời gian công tác có tham gia bảo hiểm xã hội và thời gian công tác được coi là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) để làm căn cứ tính lương hưu là thời gian công tác thực tế đã được xác định trong hồ sơ phục viên, xuất ngũ hoặc hồ sơ thương binh của mỗi người.

b) Thời gian được tính kể từ ngày 31/03/2000 trở về trước, nếu có đứt quãng thì được cộng dồn; trường hợp có tháng lẻ thì dưới 3 tháng không tính, có từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính bằng nửa (1/2) mức hưởng của một năm đóng BHXH, có từ trên 6 tháng đến 12 tháng được tính bằng mức hưởng của một năm đóng BHXH.

2. Lương hưu hàng tháng quy định tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 159/2006/NĐ-CP thực hiện như sau

Quân nhân có thời gian công tác theo quy định tại Khoản 1, Mục II thông tư này có đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (BHXH); sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm một năm đóng BHXH được tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH.

Ví dụ 1: Ông Lê Văn Kim, Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng, sinh 1952, nhập ngũ tháng 09/1970, có 23 năm, 5 tháng phục vụ quân đội; phục viên tháng 02/1994; nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, cách tính tỷ lệ lương hưu như sau:

- Đủ 15 năm = 45%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 23 (8 năm): $2\% \times 8 \text{ (năm)} = 16\%$;
- Có 5 tháng lẻ được tính thêm: $2\% \times 0,5 = 1\%$;
- Tỷ lệ % lương hưu của ông Kim là: $45\% + 16\% + 1\% = 62\%$.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị Hà, Đại úy, sinh 1943, nhập ngũ tháng 01/1961, có 20 năm, 1 tháng phục vụ quân đội; phục viên tháng 02/1981; nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, cách tính tỷ lệ lương hưu như sau:

- Đủ 15 năm = 45%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 20 (5 năm): $3\% \times 5 \text{ (năm)} = 15\%$;
- Tỷ lệ % lương hưu của bà Hà là: $45\% + 15\% = 60\%$.

3. Tiền lương tháng làm căn cứ để tính lương hưu

Tiền lương tháng làm căn cứ để tính lương hưu bao gồm lương cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp thâm niên, phụ cấp chức vụ (nếu có) trong 5 năm cuối trước khi phục viên, xuất ngũ hoặc trước khi chuyển sang trung tâm điều dưỡng Thương binh thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được chuyển đổi thành hệ số lương, phụ cấp tương ứng quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/05/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang (mức lương quân hàm Chuẩn úy tính bằng hệ số 3,0). Tiền lương tối thiểu để làm cơ sở tính lương hưu là mức 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Ông Lê Văn Kim (nêu tại ví dụ 1) nay được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng; diễn biến tiền lương theo cấp hàm của ông Kim như sau:

- Từ tháng 02/1989 đến tháng 07/1991 (30 tháng) cấp bậc Đại úy (hệ số 4,15); thâm niên 20%; phụ cấp chức vụ Tiểu đoàn trưởng (hệ số 0,35).

- Từ tháng 08/1991 đến tháng 01/1994 (30 tháng) cấp bậc Thiếu tá (hệ số 4,80); thâm niên 23%; phụ cấp chức vụ Tiểu đoàn trưởng (hệ số 0,35).

Mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông Kim là:

$$(290.000 \text{ đồng} \times 4,15 \times 1,20 \times 30^{\text{th}}) + (290.000 \text{ đồng} \times 0,35 \times 30^{\text{th}}) = 46.371.000 \text{ đồng}$$

$$(290.000 \text{ đồng} \times 4,80 \times 1,23 \times 30^{\text{th}}) + (290.000 \text{ đồng} \times 0,35 \times 30^{\text{th}}) = 54.409.800 \text{ đồng}$$

$$(46.371.000 \text{ đồng} + 54.409.800 \text{ đồng}) : 60 \text{ tháng} = 1.679.680 \text{ đồng/tháng.}$$

Cách tính lương hưu hàng tháng của ông Kim được tính đến thời điểm trước 01/10/2004 là: $1.679.680 \text{ đồng} \times 62\% = 1.041.402 \text{ đồng/tháng.}$

a) Trường hợp đối tượng có thời gian hưởng lương dưới 5 năm (60 tháng) thì mức lương làm căn cứ tính lương hưu được tính bình quân của tổng số tháng hưởng lương theo cấp bậc hàm sĩ quan, ngạch, bậc QNCN.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn Hiền, sinh 1940, nhập ngũ tháng 01/1958, có 20 năm, 2 tháng phục vụ quân đội; phục viên tháng 03/1978; tháng 05/1974 được phong quân hàm Chuẩn úy; tháng 05/1976 được thăng quân hàm Thiếu úy.

Cách tính mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông Hiền là:

- Từ tháng 05/1974 đến tháng 04/1976 là 24 tháng; cấp bậc chuẩn úy, hệ số lương 3,0; thâm niên 18%.

$$290.000 \text{ đồng} \times 3,0 \times 1,18 \times 24^{\text{th}} = 24.638.400 \text{ đồng.}$$

- Từ tháng 05/1976 đến tháng 02/1978 là 22 tháng; thâm niên 20%.

$$290.000 \text{ đồng} \times 3,20 \times 1,20 \times 22^{\text{th}} = 24.499.200 \text{ đồng.}$$

Mức lương bình quân làm căn cứ tính lương hưu là:

$$(24.638.400 \text{ đồng} + 24.499.200 \text{ đồng}) : 46^{\text{th}} = 1.068.208 \text{ đồng/tháng.}$$

b) Trường hợp cá biệt, hồ sơ của đối tượng chỉ chứng minh được mức quân hàm cuối cùng trước khi phục viên, xuất ngũ thì áp dụng thời gian giữ cấp bậc quân hàm theo quy định của Luật về Sĩ quan QĐNDVN (1981) để xác định.

4. Cách tính lương hưu của đối tượng quy định tại khoản 1, Mục I Thông tư này được áp dụng điều chỉnh như các đối tượng hưởng lương hưu hàng tháng trước tháng 10/2004 quy định tại các Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 117/2005/NĐ-CP, Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/09/2005; Nghị định số 93/2006/NĐ-CP, Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ (Bảng điều chỉnh, phụ lục kèm theo Thông tư).

Ví dụ 5: Trường hợp ông Kim (nêu tại ví dụ 1 và 3), cấp bậc Thiếu tá (hệ số 4,80) cách tính mức lương hưu từ tháng 10/2004 trở đi như sau:

- Từ tháng 10/2004 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, tăng thêm 10%:

$1.041.402 \text{ đồng/tháng} \times 1,10 = 1.145.542 \text{ đồng/tháng}$.

- Từ tháng 10/2005 được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 117/2005/NĐ-CP ngày 15/09/2005, tăng thêm 8%; Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/09/2005, tăng thêm 20,7%:

$1.145.542 \text{ đồng/tháng} \times 1,08 = 1.237.185 \text{ đồng/tháng}$.

$1.237.185 \text{ đồng/tháng} \times 1,207 = 1.493.283 \text{ đồng/tháng}$.

- Từ tháng 10/2006 trở đi được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 93/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006, tăng thêm 8%; Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006, tăng thêm 28,6%:

$1.493.283 \text{ đồng/tháng} \times 1,08 = 1.612.745 \text{ đồng/tháng}$;

$1.612.745 \text{ đồng/tháng} \times 1,286 = 2.073.991 \text{ đồng/tháng}$.

- Lương hưu của ông Kim thực tế được nhận từ tháng 01/2007 là 2.073.991 đồng/tháng.

5. Đối tượng thuộc diện hưởng sinh hoạt phí (hạ sĩ quan - binh sĩ) thì mức lương hưu hàng tháng được hưởng bằng mức lương tối thiểu chung, do Chính phủ quy định cho từng thời kỳ.

Ví dụ 6: Ông Nguyễn Văn Yên, sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 04/1967, Thượng sĩ, Trung đội phó, thương binh có tỷ lệ thương tật 86%, tháng 06/1988 chuyển về trại điều dưỡng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; có 21 năm, 2 tháng phục vụ quân đội. Lương hưu hàng tháng của ông Yên được nhận từ tháng 01/2007 bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định là 450.000 đồng/tháng.

6. Đối tượng được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế; khi chết, người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng, thân nhân được nhận chế độ tuất hàng tháng hoặc chế độ tuất một lần theo quy định hiện hành của pháp luật về BHXH.

7. Đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, Mục I Thông tư này đã từ trần trước ngày 01/01/2007 hoặc từ trần sau ngày 01/01/2007 nhưng chưa được hưởng lương hưu hàng tháng theo Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ thì một trong các thân nhân của đối tượng (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp) được đại diện nhận chế độ một lần bằng 3.600.000 đồng.

III. HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí hàng tháng được lập thành 5 bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị của đối tượng;

- Quyết định phục viên, xuất ngũ (bản gốc) đối với đối tượng phục viên, xuất ngũ; Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (bản gốc) đối với đối tượng thương binh.

Trường hợp quyết định không đầy đủ yếu tố xét hưởng chế độ hưu trí thì kèm theo lý lịch quân nhân hoặc lý lịch cán bộ hoặc lý lịch Đảng viên;